



Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha
Số 6 Nguyễn Khắc Viện, P. Tân Phú, Quận 7, TP HCM
ĐT: (84) 08 54136338 - Fax: (84) 08 54136340

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Mẫu B02-DN/HN ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, TT 21/2006-TT-BTC, TT 161/2007/TT-BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 2 - 2011

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã	TM	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	01		632.926.025.805	484.442.242.529	1.292.105.901.738	977.709.647.363
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.633.303.400	9.656.194.962	17.642.735.949	17.454.070.551
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	25	625.292.722.405	474.786.047.567	1.274.463.165.789	960.255.576.812
4 Giá vốn hàng bán	11	26	562.745.973.074	437.271.364.594	1.157.944.842.003	882.261.566.367
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		62.546.749.331	37.514.682.973	116.518.323.786	77.994.010.445
				-		
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	6.134.203.970	2.196.460.972	8.423.133.285	4.957.224.545
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	28	23.995.704.111	16.893.782.800	40.095.795.895	23.162.225.020
Trong đó lãi vay	23		19.433.080.205	16.685.310.444	35.305.109.686	22.850.500.714
				-		
8 Chi phí bán hàng	24	29	40.162.741.794	25.078.349.620	63.020.211.134	48.459.137.865
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	11.145.578.154	10.136.088.416	22.567.073.912	20.042.667.751
				-		
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.623.070.758)	(12.397.076.891)	(741.623.870)	(8.712.795.646)
				-		
11 Thu nhập khác	31	31	263.041.225	365.668.181	269.595.770	515.668.181
12 Chi phí khác	32	32	-	1.016.787.138	82.407.554	1.129.469.480
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		263.041.225	(651.118.957)	187.188.216	(613.801.299)
14 Phần Lợi nhuận, lỗ trong công ty LK, liên doanh	45		-	-	-	-
				-		
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(6.360.029.533)	(13.048.195.848)	(554.435.654)	(9.326.596.945)
16 Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51		859.391.494	(571.592.207)	3.777.129.015	1.411.213.697
17 Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(7.219.421.027)	(12.476.603.641)	(4.331.564.669)	(10.737.810.642)
19 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		1.647.003.902	(551.583.847)	3.516.827.235	(740.383.931)
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		(8.866.424.929)	(11.925.019.794)	(7.848.391.904)	(9.997.426.711)
21 Lãi hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	63		(8.866.424.929)	(11.925.019.794)	(7.848.391.904)	(9.997.426.711)
22 Số cổ phiếu BQ lưu hành trong kỳ của Công ty mẹ	64			-		
23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày trên cơ sở hợp nhất thông tin	70			-		

Vũ Văn Thắng
Kế toán trưởng



Trần Minh Loan
Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Tp. HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2011